

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

Năm báo cáo : 2017

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập: Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà - Bộ Xây Dựng. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thành lập Công ty cổ phần trên cơ sở tách từ Trạm bê tông thương phẩm của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

- Niêm yết: Cổ phiếu của công ty đang giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM

2. Quá trình phát triển

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; bê tông thương phẩm;

+ Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;

+ Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình thuỷ lợi, giao thông, đường bộ, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV; thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, điện lạnh....

+ Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng

+ Sản xuất kinh doanh que hàn

+ Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp

+ Sản xuất kinh doanh điện

+ Tư vấn giám sát xây dựng.

- + Trang trí ngoại thất công trình;
- + Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- + Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát
- + Sản xuất, mua bán xi măng
- + Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt
- + Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
- + Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng
- + Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp

+ Kinh doanh bất động sản

+ Đầu tư xây dựng công viên; Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng

+ Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;

+ Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;

+ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

- Tình hình hoạt động năm 2017: Công ty không đạt được sản xuất kinh doanh đề ra nguyên nhân là do công ty không có vốn , không có đủ điều kiện vay vốn các tổ chức Tín dụng do: Công ty đang tập trung cơ cấu lại nợ , các dự án đầu tư phải chuyển nhượng, liên doanh liên kết để có vốn thực hiện đầu tư vì các dự án của Công ty đều là dự án lớn có vốn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng (dự án yên phong II 3.000 ngàn tỷ Quốc Tuấn An Bình 1.000 tỷ đồng) .

- Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và HĐQT đã đưa ra Chủ trương chuyển nhượng liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án cụ thể dự án Yên phong II chuyển giao cho Công ty TNHH VISIP.

- Dự án khu công nghiệp và dịch vụ Quốc Tuấn – An bình liên doanh với tỷ lệ 50/50.
- Dự án văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở 55 Nguyễn Văn Linh 50/50.
- Dự án trung tâm thương mại Phường An Bình Thành phố Biên hòa Đồng nai liên doanh liên kết, thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng.
- Do dự án Yên phòng II đang làm thủ tục chuyển giao chưa xong do đó chưa có nguồn để trả Ngân hàng và nguồn vốn bổ sung xây lắp.
- Công ty thỏa thuận với Ngân hàng về việc xin giảm lãi quá hạn do vậy công tác thu vốn các công trình bị đình trệ.

3. Các mục tiêu chủ yếu đã đạt được năm 2017

Đơn vị tính: 1000 đồng

- Tổng giá trị SXKD	: 11.150.000
+ Giá trị kinh doanh xây lắp	: 650.000
+ Giá trị hoạt động khác	: 10.000.000
+ Giá trị kinh doanh thương mại	500.000
- Các chỉ tiêu tài chính:	
+ Doanh thu	: 7.182.636
+ Nộp Nhà nước	: 517.000
+ Lợi nhuận trước thuế	: -22.126.545
+ Lợi nhuận sau thuế	: -22.126.545
+ Thu nhập BQ/1CBCNV/tháng	: 5.000.000 đồng/người/tháng

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty

1. Kết quả hoạt động trong năm 2017:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện so với KH

				(%)
I	Tổng giá trị SXKD	10³ đồng	11.150.000	18
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ³ đồng	650.000	
2	Giá trị hoạt động khác	10 ³ đồng	10.000.000	
3	Thương mại và dịch vụ	10 ³ đồng	500.000	
II	Các chỉ tiêu tài chính			
1	Doanh thu	10 ³ đồng	9.212.476	
2	Nợ ngân sách	10 ³ đồng	690.982	
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đồng	(22.126.545)	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đồng	(22.126.545)	
5	Thu nhập bình quân/1CBCNV	10 ³ đồng	5.000	

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra nhiều định hướng chiến lược quan trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục tiêu tăng trưởng bền vững, lấy hiệu quả và nâng cao giá trị doanh nghiệp làm trọng tâm.

- Một trong những chủ trương quan trọng của Hội đồng quản trị trong năm 2017 là không đầu tư dàn trải, dùng góp vốn, tiến tới thoái vốn đã đầu tư vào các Công ty bên ngoài để tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi. Bên cạnh đó tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, trong năm 2017 công ty đã tinh giản biên chế thành bộ máy gọn nhẹ nên chi phí quản lý giảm đáng kể.

- Khu công nghiệp Yên Phong II – Bắc Ninh, đang làm thủ tục chuyển giao cho công ty TNHH VISIP làm Chủ đầu tư và thu về phần vốn đơn vị đã bỏ ra mặt khác hai bên thống nhất với nhau phần san lấp và làm hạ tầng khu công nghiệp thì công ty VISIP giao cho Công ty Hạ tầng Sông đà làm.

- Liên doanh thực hiện đầu tư dự án :Khu công nghiệp dịch vụ Quốc Tuấn –An Bình và 55 Nguyễn Văn Linh.
- Kiện toàn công tác tổ chức các bộ phận phòng ban đến các xí nghiệp, đội sản xuất để nâng cao hiệu quả công việc, thu hút người tài về đơn vị gắn bó lâu dài với Công ty.
- Thực hiện luân chuyển cán bộ, tạo sự năng động hiệu quả trong quản lý điều hành Công ty.
- Kiểm tra năng lực xe máy thiết bị sẵn có, tiếp tục đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng được nhu cầu SXKD trong tình hình mới đảm bảo thắng lợi các nhiệm vụ SXKD năm 2018.
- Trả lương cho công nhân trực tiếp theo hướng lương khoán bằng đơn giá nội bộ và dự toán thi công, lương khối gián tiếp thực hiện trả lương theo sản lượng và doanh thu.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động với Công ty.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2017

TT	Nội dung	ĐVT	Báo cáo Công ty mẹ	Báo cáo Hợp nhất
1	Khả năng sinh lời:			
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	-240	-282
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	-8.2	-8.7
2	Khả năng thanh toán:			
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0.52	0.8
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0.52	0.79

	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.36	0.6
3	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017	đồng/CP	454	568

- Những thay đổi về vốn cổ đông:

+ Số cổ phiếu phát hành đầu năm : 20 950 000 CP

+ Số cổ phiếu tăng bổ sung trong năm : 0 CP

Tổng Cộng : 20 950 000 CP

- Số lượng cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông : 20 950 000 CP

+ Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông : 20 539 500 CP

+ Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP

- Số lượng cổ phiếu quỹ : 410 500 CP

- Cổ tức : 0 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 11.1/25.150 tỷ đồng đạt 45.7% KH năm 2017.

- Doanh thu : 9.212/17.56 tỷ đồng đạt 52% KH năm 2017.

- Lợi nhuận sau thuế : -22.1/1,415 tỷ đồng đạt -564% KH năm 2017.

- Nộp Ngân sách nhà nước : 691 /1.146 triệu đồng đạt 60% KH năm 2017.

- Thu nhập BQ của CBCNV : 5 triệu đồng /người/ tháng đạt 83.3% KH năm 2017.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch chủ yếu là do thiếu việc làm, các công trình xây lắp của Công ty đang thực hiện do Chủ đầu tư thay đổi thiết kế nên phải kéo dài tiến độ hoặc dừng thi công như: công trình

Booyoung, Sam sung Thái Nguyên,.. dẫn đến máy móc, thiết bị phải nằm chờ nên chi phí sản xuất tăng cao.

3. Công tác Quản lý và điều hành công ty.

** Công tác quản lý điều hành SXKD và sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp*

- Sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị trực thuộc để tiết kiệm chi phí đồng thời đảm bảo hiệu quả công việc.

- Thanh lý, chuyển nhượng những tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc hiệu quả sử dụng không cao.

** Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động:*

- Duy trì và thực hiện tốt công tác lập hồ sơ và biện pháp thi công của tất cả các công trình trước khi triển khai thi công, trong đó đề ra các biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Công tác an toàn và bảo hộ lao động thực hiện đi vào nề nếp, Cán bộ Công ty thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy định về công tác an toàn lao động tại các công trường. Vì vậy trong năm 2017 không để xảy ra trường hợp tai nạn lao động nào.

** Công tác quản lý vật tư – cơ giới:*

- Đảm bảo nhu cầu năng lực xe máy và cung cấp đủ nguyên vật liệu phục vụ thi công các công trình.

- Không để xảy ra tai nạn và sự cố máy móc thiết bị trong khi làm việc.

- Duy trì thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên xe máy, thiết bị đúng quy trình.

- Đã thành lập bộ phận chuyên trách mảng vật tư cơ giới và thường xuyên tiến hành kiểm kê vật tư và thiết bị nhằm tránh lãng phí và thất thoát.

** Công tác Kinh tế - Kế hoạch:*

- Xây dựng đầy đủ kế hoạch SXKD hàng tháng, quý và năm.

- Xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các quy chế: tiền lương, quy chế giao khoán đội công trình làm cơ sở để các đơn vị thực hiện.

- Tổ chức soạn thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế.

** Công tác Tài chính- Kế toán:*

- Thực hiện công tác lập và nộp báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm đúng và đủ theo quy định của UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Quan hệ tốt với các Ngân hàng, tổ chức tài chính để huy động vốn đáp ứng cho nhu cầu SXKD tuy nhiên không có doanh thu nên đã làm việc với Ngân hàng cơ cấu lại nợ.

- Thường xuyên kiểm tra công tác tài chính các đơn vị nhằm chấn chỉnh, ngăn ngừa kịp thời việc vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Bộ tài chính.

** Công tác đầu tư:*

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên danh với một số đối tác để làm chủ đầu tư các dự án mới như: Quốc Tuấn – An Bình và tiếp tục đi tìm dự án mới 55 Nguyễn Văn Linh.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy chế quản lý và thực hiện các dự án đầu tư.

** Công tác Tổ chức – Lao động:*

- Chấp hành đúng các quy định quản lý lao động hiện hành, thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/tháng/người

4. Mục tiêu kế hoạch 2018.

- Đàm phán cùng Công ty TNHH MTV VSIP Bắc Ninh về Hợp đồng thi công xây dựng các khu công nghiệp (cụ thể: Thi công san lấp KCN Yên Phong II năm 2018).

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị để nhận thầu thi công các công trình đặc biệt là công trình ngầm đô thị, công trình nhà cao tầng tại Hà Nội; thi công các dự án trường học và dự án đường tại tỉnh Đồng Nai;

- Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán, giảm giá trị dở dang tại các công trình Booyoung, Viwaseen Huế, Xi măng Hạ Long, Nam Cường, Sông Đà 27... để có vốn phục vụ thi công và chuẩn bị đầu tư các Dự án.

- Hoàn tất thủ tục để thu vốn Dự án Yên Phong II để trả ngân hàng, Bảo hiểm, Thuế và cán bộ công nhân viên.

- Chào bán 02 máy khoan Trive 240LS và máy khoan AF220 (lập hồ sơ chào bán rộng rãi, thu hồi giá trị cao nhất cho công ty, giá trị tối thiểu không thấp hơn giá trị sổ sách)

- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công hạ tầng xây lắp cho các dự án khu công nghiệp, cụ thể: máy xúc, lu, ủi, xe vận chuyển... (Lập hồ sơ chào giá rộng rãi, mua máy móc thiết bị mới của các thương hiệu thông dụng và công xuất phù hợp). Nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị: bán máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, nguồn vốn vay từ ngân hàng hoặc các nguồn vốn phù hợp khác...

- Chuyên trụ sở văn phòng (Chi phí thấp hơn hoặc bằng chi phí văn phòng hiện tại, văn phòng phù hợp văn phòng hiện đại)

- Bố trí cán bộ, công nhân viên ít công việc làm bán thời gian để giảm chi phí và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

- Liên danh liên kết thực hiện các dự án để giảm chi phí và nâng cao tính chuyên nghiệp.

- Báo cáo, rà soát các công ty con, công ty liên kết. Thoái vốn hoặc làm thủ tục tạm dừng hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết sản xuất kinh doanh không hiệu quả (cụ thể: Công ty SICO INVEST...).

Về hoạt động đầu tư:

- Dự án KCN Quốc Tuấn – An Bình: Trong Quý 3 và Quý 4/2018 hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, thành lập pháp nhân liên danh để triển khai thực hiện pháp nhân liên danh để triển khai thực hiện.

- Dự án Nhà ở văn phòng thương mại tại số 55 đường Nguyễn Văn Linh: hoàn thành thủ tục phê duyệt 1/500 và thiết kế trong quý 4/2018.

- Dự án trung tâm thương mại Phường An Bình – Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Hoàn tất thủ tục thuê đất lâu dài (tìm kiếm đối tác liên danh liên kết để đầu tư khai thác có hiệu quả)

- Dự án Khách sạn văn phòng phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh: làm việc với UBND tỉnh, UBND thành phố Bắc Ninh cho phép tiếp tục thực hiện với mô hình khách sạn, văn phòng, nhà ở và trung tâm thương mại...

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

1. Báo cáo Tài chính Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán độc lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.880.797.530	181.586.688.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	152.456.449	163.486.904
1. Tiền	111		152.456.449	163.486.904
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.178.123.726	126.317.291.421
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	37.887.008.461	57.059.617.030
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.834.140.231	15.127.958.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	86.978.774.595	121.502.078.656
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(51.521.799.561)	(67.372.363.038)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	41.549.753.556	49.088.845.287
1. Hàng tồn kho	141		136.456.397.249	148.158.355.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(94.906.643.693)	(99.069.510.336)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.000.463.799	6.017.064.724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	-

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.000.463.799	6.017.064.724
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.501.678.246	139.627.513.797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.390.458.899	24.917.523.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	19.390.458.899	24.917.523.671
- Nguyên giá	222		67.622.129.750	67.622.129.750
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(48.231.670.851)	(42.704.606.079)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.094.913.582	46.394.913.582
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	41.094.913.582	46.394.913.582
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	71.298.148.234	67.891.168.234
1. Đầu tư vào công ty con	251		70.010.800.000	66.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		3.789.625.000	3.933.445.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.602.276.766)	(2.602.276.766)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		718.157.531	423.908.310
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	718.157.531	423.908.310
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.382.475.776	321.214.202.133

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		258.220.244.440	289.925.425.565
I. Nợ ngắn hạn	310		256.211.840.192	287.917.021.317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	40.216.869.690	62.819.963.789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	7.521.503.620	14.959.837.421
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	27.311.284.425	27.016.042.708
4. Phải trả người lao động	314		11.425.722.577	3.396.600.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	32.245.477.365	28.438.808.772
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	7.816.188.330	5.381.642.876
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	51.532.170.236	61.826.041.337
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	73.409.930.278	79.227.890.256
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.732.693.671	4.850.193.671
II. Nợ dài hạn	330		2.008.404.248	2.008.404.248
1. Phải trả dài hạn khác	331	V.16b	1.403.200.000	1.403.200.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	605.204.248	605.204.248
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.162.231.336	31.288.776.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	9.162.231.336	31.288.776.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.500.000.000	209.500.000.000

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	650.501.870	650.501.870
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	15.964.819.495	15.964.819.495
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(209.427.214.631)	(187.300.669.399)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	(187.300.669.399)	(44.763.711.509)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(22.126.545.232)	(142.536.957.890)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	267.382.475.776	321.214.202.133

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.182.636.906	5.971.634.784
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	7.182.636.906	5.971.634.784
3	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	7.523.701.466	103.365.050.713
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(341.064.560)	(97.393.415.929)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	58.907.291	749.591.824
6	Chi phí tài chính	22	VI.6	36.980.626.641	6.454.970.481
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.295.318.619	6.454.970.481
7	Chi phí bán hàng	25		-	-
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	(13.188.792.729)	40.461.857.303
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.073.991.181)	(143.560.651.889)
10	Thu nhập khác	31	VI.8	1.970.931.949	2.537.569.095
11	Chi phí khác	32	VI.9	23.486.000	1.513.875.096
12	Lợi nhuận khác	40		1.947.445.949	1.023.693.999
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.126.545.232)	(142.536.957.890)
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.126.545.232)	(142.536.957.890)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.474.300.315	295.161.666.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.183.246.692	4.524.382.794
1. Tiền	111		1.183.246.692	4.524.382.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.003.188.850	2.003.188.850
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.093.175.000	2.093.175.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		(89.986.150)	(89.986.150)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.326.001.268	214.103.190.888
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	75.976.267.438	95.148.876.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	31.836.000.758	33.129.819.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	116.337.857.214	150.499.183.200
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(48.824.124.142)	(64.674.687.619)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	57.650.050.042	65.189.141.773
1. Hàng tồn kho	141		152.556.693.735	164.258.652.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(94.906.643.693)	(99.069.510.336)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.311.813.463	9.341.762.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	930.147.240	878.718.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.381.666.223	8.463.043.921
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.296.477.713	90.732.834.932
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.094.231.747	31.810.619.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	26.094.231.747	31.810.619.163
- Nguyên giá	222		95.571.026.584	95.571.026.584
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(69.476.794.837)	(63.760.407.421)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.883.840.531	7.183.840.531
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	41.883.840.531	47.183.840.531
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	3.889.625.000	4.033.445.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		3.789.625.000	3.933.445.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.428.780.435	7.704.930.238

1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.579.808.741	1.285.559.520
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		922.974.134	922.974.134
3. Lợi thế thương mại	269		3.925.997.560	5.496.396.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323.770.778.028	385.894.501.262

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.104.016.007	346.975.765.303
I. Nợ ngắn hạn	310		310.095.611.759	338.097.979.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	95.326.282.114	117.363.655.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	28.005.108.868	35.443.442.669
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	38.846.761.876	38.782.565.661
4. Phải trả người lao động	314		14.454.217.052	6.518.220.468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	36.482.215.375	32.747.259.282
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	7.816.188.330	5.381.642.876
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	24.708.520.385	36.636.796.649
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	59.668.040.404	60.316.618.589
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.788.277.355	4.907.777.355
II. Nợ dài hạn	330		2.008.404.248	8.877.786.041
1. Phải trả dài hạn khác	331	V.16b	1.403.200.000	1.403.200.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	605.204.248	7.474.586.041
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.666.762.021	38.918.735.959
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	11.666.762.021	38.918.735.959
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.500.000.000	209.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		818.833.250	818.833.250
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.863.398.338	17.863.398.338
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(244.242.164.779)	(220.506.455.670)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(220.506.455.670)	(72.420.075.939)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(23.735.709.109)	(148.086.379.731)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.252.570.610	38.768.835.439
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323.770.778.028	385.894.501.262

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
----------	-------	-------------	---------	-----------

TT	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.382.636.906	7.300.754.783
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	8.382.636.906	7.300.754.783
3	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	8.125.667.693	103.535.525.713
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		256.969.213	(96.234.770.930)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	139.614.915	1.049.597.575
6	Chi phí tài chính	22	VI.6	37.138.819.605	6.612.180.808
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.453.511.583	6.612.180.808
7	Chi phí bán hàng	25		-	-
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	(11.098.121.028)	43.227.792.095
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.644.114.449)	(145.025.146.258)
10	Thu nhập khác	31	VI.8	1.970.981.009	1.148.346.938
11	Chi phí khác	32	VI.9	23.486.000	5.051.566.358
12	Lợi nhuận khác	40		1.947.495.009	(3.903.219.420)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.696.619.440)	(148.928.365.678)
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.554.498	-
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.701.173.938)	(148.928.365.678)
17	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(23.735.709.109)	(146.669.774.991)
18	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		34.535.171	(2.258.590.687)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.157)	(7.141)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán độc lập

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kế toán và kiểm toán Việt Nam.

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí lãi chậm nộp thuế và chi phí phạt chậm nộp thuế lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 số tiền khoảng 19,5 tỷ đồng, làm cho kết quả kinh doanh phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của các công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cũng như các tài liệu có liên quan khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính nêu trên. Vì vậy chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Sico : 15,3 tỷ đồng chiếm 51% VDL
- Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà : 4,2 tỷ đồng chiếm 70% VDL
- Công ty CP Sông Đà Đồng Nai : 38,96 tỷ đồng chiếm 84% VDL
- Công ty TNHH Sico Đồng Bằng : 8 tỷ đồng chiếm 53,3% VDL

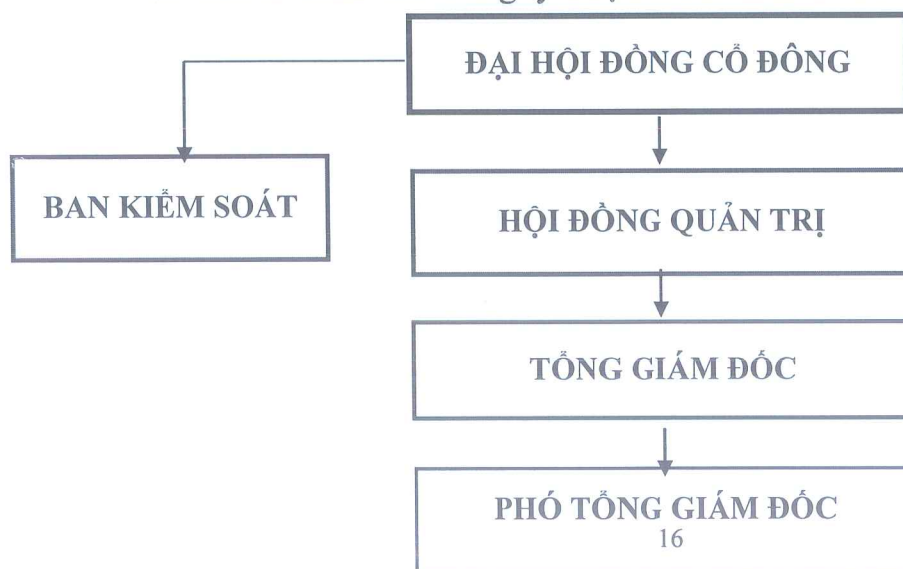
2. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

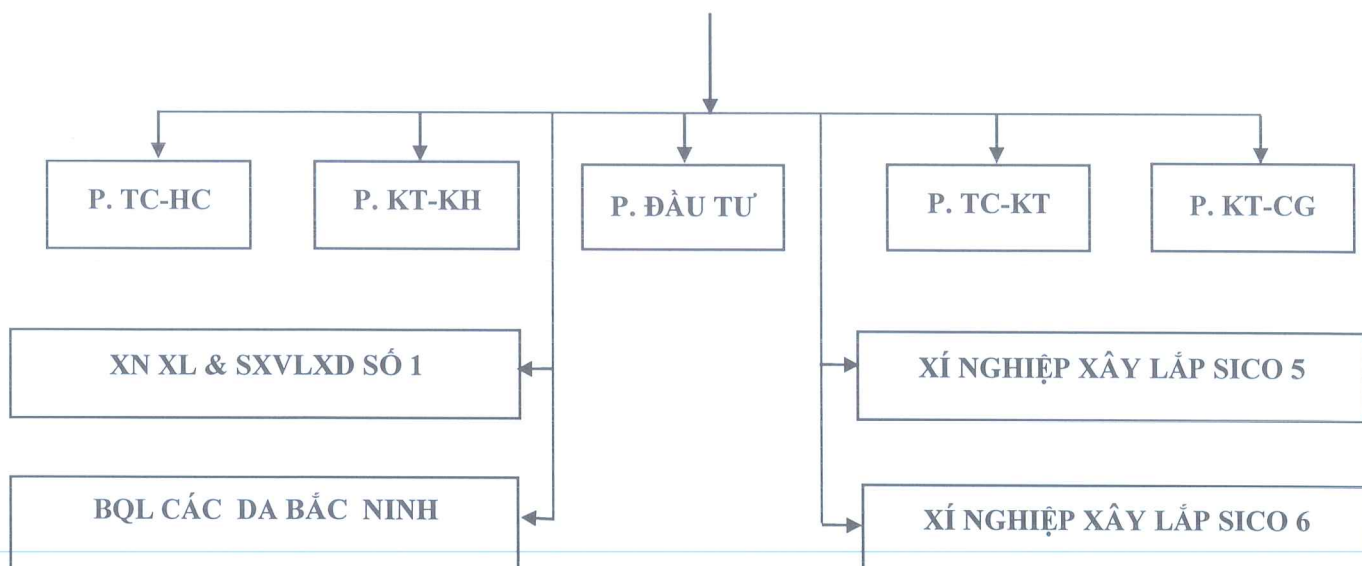
- Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn : 1,54 tỷ đồng chiếm 5% VDL
- Công ty Cổ phần Sico Thảo Điền : 2,24 tỷ đồng chiếm 2,24% VDL

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ:





2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban tổng giám đốc điều hành:

Tổng Giám đốc : Vũ Văn Bảy

Ngày sinh : 06/03/1962

Địa chỉ thường trú : P113 - Nhà E8 – Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : CN TCKT

Chức vụ hiện tại : CT HĐQT kiêm TGD – Cty CP XD HT Sông Đà.

Phó Tổng giám đốc : Lưu Tuấn Hùng

Ngày sinh : 07/07/1961

Địa chỉ thường trú : P 308- Nhà T1, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Chức vụ hiện tại : UV HĐQT kiêm Phó TGD Cty CP XD HT Sông Đà.

Phó Tổng giám đốc : Vũ Ngọc Long

Ngày sinh : 01/01/1966

Địa chỉ thường trú : Nhà 17- Ngõ 7, Đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : CN TCKT

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà

Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Ngọc Lộc

Ngày sinh : 20/09/1961
Địa chỉ thường trú : P17 – K8 - Bách Khoa – Hai Bà Trưng - Hà Nội
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà kiêm
Giám đốc XN XL Sico 5

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ công nhân viên toàn công ty tính đến 31/12/2017 là người, trong đó:

STT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trình độ đại học	09
2	Trình độ cao đẳng	02
3	Trung cấp nghề	15
4	Sơ cấp, cán sự	
5	Công nhân	
6	Lao động	
	Tổng cộng	26

5. Chính sách đối với người lao động:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương khoán theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đề ra và căn cứ vào trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đảm bảo tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

6. Về công tác đào tạo:

Công ty có chiến lược đào tạo khá cụ thể như đào tạo nâng bậc, đào tạo kèm cặp cho người lao động mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đăng ký tham gia những chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cho đội trưởng và các nhà quản trị cấp dưới, chương trình đào tạo về công tác kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, về nghiệp vụ tư vấn giám sát.

7. Về chính sách khen thưởng:

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp

dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

8. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2017: không

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên, trong đó:

+ Ông Vũ Văn Bảy : Chủ tịch HĐQT

+ Ông Lưu Tuấn Hùng : Ủy viên HĐQT

+ Ông Trần Đại Tùng : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Phạm Ngọc Tuấn : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Đặng Văn Thăng : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Ông Nguyễn Đắc Sỹ : Trưởng ban (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Trần Quang Khải : Thành viên BKS

+ Ông Trần Bùi Học : Thành viên BKS (TV độc lập không điều hành)

* Hoạt động của HĐQT:

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực hiện của đơn vị, có đồng thuận rất cao của Hội đồng quản trị và là sự kết tinh trí tuệ của mỗi thành viên HĐQT; các quy chế quản lý không ngừng được hoàn thiện, công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được tăng cường. Ngoài ra các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia cùng Ban Tổng giám đốc điều hành của Công ty trực tiếp chỉ đạo các đơn vị, các phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

* Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra, rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của Công ty.



- Kiểm tra thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định.

-Thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị Công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo.

-Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 2 lần, nội dung cuộc họp tập trung kiểm điểm tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và triển khai các công việc tiếp theo; phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

* Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2017:

- Do kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017 không hoàn thành kế hoạch đề ra, vì vậy thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty không nhận lương và thù lao.

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan như sau:

Giao dịch cổ phiếu (tỷ lệ được tính trên số cổ phiếu lưu hành của công ty):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Vũ Văn Bảy		238.488	1,160	238.488	1,160
2	Lưu Tuấn Hùng		85 875	0,418	85 875	0,418
3	Trần Đại Tùng		3 000	0,015	3 000	0,015
4	Nguyễn Văn Phúc		10 000	0,049	10 000	0,049
5	Đặng Văn Thăng		2 700	0,013	2 700	0,013
6	Trần Thị Chung		3 000	0,015	3 000	0,015

7	Trần Quang Khải		7 200	0,035	7 200	0,035
8	Trần Bùi Học		0	0,000	0	0,000
9	Vũ Ngọc Long		0	0,000	0	0,000
10	Nguyễn Ngọc Lộc		65 000	0,316	65 000	0,316
11	Chu Thị Ánh		6 000	0,029	6 000	0,029
12	Công ty CP Sông Đà 9		1 862 800	9,069	1 862 800	9,069
13	Tạ Thị Mùi	vợ	25 900	0,126	25 900	0,126
14	Phạm Thu Giang	vợ	348 625	1,697	348 625	1,697
15	Vũ Thị Tám	NCLQ	4 000	0,019	4 000	0,019
16	Lucerne enterprise LTD	CĐL	4.195.800	20,430	4.275.800	20,817
17	Asean small cap fund	CĐL	1 963 800	9,561	1 963 800	9,561
18	Chu Thị Thu Trang	CĐL	1 528 900	7,444	1 528 900	7,444

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Ủy ban CK Nhà nước

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Bảy